

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2019

V/v: *Ly hôn,*

tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2019/ TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1980

HKTT: Thôn ..., xã TD, thành phố TH, tỉnh TH.

Nơi ở hiện tại: Thôn ..., xã TD, thành phố TH, tỉnh TH.

- ***Bị đơn:*** Anh Dương Đình H , sinh năm 1975

HKTT: Thôn ..., xã TD, thành phố TH, tỉnh TH.

Nơi ở hiện tại: Thôn ..., xã TD, thành phố TH, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2019, bản tự khai ngày cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Dương Đình H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng do không hiểu quy định của pháp luật về kết hôn nên anh chị không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hòa thuận một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên đánh chửi chị. Tuy nhiên do các con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng để vợ chồng chung sống cùng nuôi con. Song mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tháng 8/2018 chị đã làm đơn ly hôn, được Tòa án hòa giải và anh H hứa không đánh đập chị nữa nên chị rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng anh H đã không giữ lời

hứa, sau khi rút đơn về chung sống, anh H thường ghen tuông vô cớ rồi tiếp tục đánh đập chị nhiều hơn do đó chị đã đem con về nhà mẹ đẻ chị để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay.

Nay chị T xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết cho chị ly hôn anh Dương Đình H.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2019 và phiên hòa giải ngày 18/6/2019 anh Dương Đình H khai hoàn toàn thống nhất với lời khai của chị T về lý do không đăng ký kết hôn, về thời gian, điều kiện chung sống, về thực trạng mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Song chị T kiên quyết đòi ly hôn nên anh đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án thành phố Thanh Hóa giải quyết cho anh và chị T ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T, anh H khai thống nhất: Quá trình chung sống anh chị có ba con chung là Dương Thị D, sinh ngày 15/02/2004, Dương Đình Minh T và Dương Đình Minh Đ cùng sinh ngày 29/5/2011. Anh chị thống nhất: Sau khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con Minh T và Minh Đ, anh H trực tiếp nuôi con chung Dương Thị D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2019 cháu Dương Thị D, Dương Đình Minh T xin được ở với bố, Dương Đình Minh Đ xin ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương (xã Thiệu Dương, TP. Thanh Hóa) xác định: Từ năm 2017 đến nay vợ chồng chị T anh H có mâu thuẫn, nhiều lần chửi bới đánh đập nhau. Năm 2018 đến nay vợ chồng không chung sống cùng nhà, chị T đưa con về sống với mẹ đẻ chị T. Nay anh chị xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H. Về con chung chị đề nghị anh H nuôi cháu D và cháu T, chị nuôi cháu Đ vì hiện tại anh H sinh sống tại ngôi nhà của vợ chồng còn chị ở nhờ nhà mẹ đẻ cùng với các em chị nên khó khăn về nơi ăn ở; Anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Kết quả việc hỏi tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa anh H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đình H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có cưới hỏi theo phong tục địa phương, có tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 14 - Luật Hôn nhân và gia đình, giữa chị T và anh H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Đến nay chị T và anh H đều xác định: Anh chị mâu thuẫn trầm trọng. Chị T xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, chị T kiên quyết xin ly hôn, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 điều 53 - Luật HN&GD không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H có ba con chung là: Dương Thị D, sinh ngày 15/02/2004, Dương Đình Minh T và Dương Đình Minh Đ cùng sinh ngày 29/5/2011. Tại phiên hòa giải anh chị thống nhất đề nghị Tòa án giao nuôi con theo nguyện vọng của con, người không trực tiếp nuôi con sẽ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mức 1.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa hôm nay chị T đề nghị anh H nuôi cháu D và cháu T, chị nuôi cháu Đ, vì cháu D, cháu T xin được ở với bố và hiện tại anh H đang ở ngôi nhà của vợ chồng còn chị phải ở nhờ mẹ đẻ chị cùng với các em nên khó khăn về nơi ăn ở. Về cấp dưỡng nuôi con, chị giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi cháu D cùng anh H là 1.000.000đ/tháng. HĐXX xét: Đề nghị của chị T là tự nguyện, phù hợp quan điểm của anh H tại phiên hòa giải, phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp quy định tại các điều 15, 81, 82 luật HN&GD nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 điều 147 BLTTĐ và khoản 5, 6 điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân & gia đình.

Khoản 5, 6 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đình H

- **Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng Dương Đình Minh T sinh ngày 29/5/2011; Giao cho anh Dương Đình H trực tiếp nuôi

dưỡng Dương Thị D, sinh ngày 15/02/2004 và Dương Đình Minh Đ sinh ngày 29/5/2011. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Dương Thị D cùng anh H mức 1.000.000đ (một triệu đồng) một tháng kể từ tháng 7/2019 đến khi Dương Thị D thành niên.

Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006396 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị T còn phải nộp 300.000đ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh H. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Đình H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Thị Nga